

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 31
Phụ lục: Bảng tổng hợp giao dịch các bên liên quan	32 - 37

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020300035, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 25 tháng 04 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 16 Ngô Quyền- Phường Máy Chai- Quận Ngô Quyền- Thành phố Hải Phòng

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PTS.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Thủy	Thành viên
Ông Đào Thanh Liêm	Thành viên
Ông Đào Mạnh Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Trọng Thủy	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/4/2012)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm T4/2012)
Ông Đào Thanh Liêm	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/4/2012)

**CÁC SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

---

**Nguyễn Trọng Thủy**

**Tổng Giám đốc**

*Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2013*

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

**Kính gửi:**           **Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

---

**Nguyễn Quế Dương**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1382/KTV*  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**  
*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2013*

---

**Bùi Thị Thúy**  
**Kiểm toán viên**  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0580/KTV*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>34.223.047.669</b>	<b>40.739.714.355</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.009.096.864</b>	<b>4.602.334.437</b>
1. Tiền	111		1.009.096.864	4.602.334.437
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	-	<b>863.743.990</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.620.441.674
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.756.697.684)
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.707.460.806</b>	<b>19.449.645.355</b>
1. Phải thu khách hàng	131		9.687.028.798	7.893.460.914
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	4.067.660.002	4.817.147.398
5. Các khoản phải thu khác	135	5.4	5.952.772.006	6.739.037.043
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>11.289.128.406</b>	<b>14.081.149.600</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	11.289.128.406	14.081.149.600
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.217.361.593</b>	<b>1.742.840.973</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	5.6	1.757.861.593	1.186.410.973
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	459.500.000	556.430.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>78.184.198.417</b>	<b>85.936.282.233</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.8	42.701.000	42.701.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(42.701.000)	(42.701.000)
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>58.113.429.533</b>	<b>65.114.984.352</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	56.929.600.177	59.637.259.953
- Nguyên giá	222		93.419.311.674	88.018.359.759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.489.711.497)	(28.381.099.806)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	1.183.829.356	5.477.724.399
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>9.657.000.000</b>	<b>10.557.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.657.000.000	4.657.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	900.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.413.768.884</b>	<b>10.264.297.881</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	10.406.268.884	10.256.797.881
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.500.000	7.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>112.407.246.086</b>	<b>126.675.996.588</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>31.343.911.113</b>	<b>33.947.864.773</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>31.343.911.113</b>	<b>31.062.742.543</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	6.500.000.000	1.304.450.000
2. Phải trả người bán	312		10.127.099.042	12.234.183.922
3. Người mua trả tiền trước	313	5.14	10.874.231.882	12.028.650.692
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	427.678.494	-
5. Phải trả người lao động	315		1.390.492.741	2.632.735.693
6. Chi phí phải trả	316	5.16	12.527.777	925.338.780
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.17	1.237.767.077	1.520.639.356
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		774.114.100	416.744.100
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>2.885.122.230</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	-	2.475.597.469
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	409.524.761
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>81.063.334.973</b>	<b>92.728.131.815</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>81.063.334.973</b>	<b>92.728.131.815</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.680.000.000	55.680.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.024.502.460	6.024.502.460
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.013.122.301	13.633.915.177
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.684.066.865	3.098.213.858
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		661.643.347	14.291.500.320
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>112.407.246.086</b>	<b>126.675.996.588</b>

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		257.532.553.638	289.303.832.892
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	257.532.553.638	289.303.832.892
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	248.277.975.246	268.390.523.345
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>9.254.578.392</b>	<b>20.913.309.547</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	854.958.781	2.444.755.650
7. Chi phí tài chính	22	5.23	1.174.769.975	2.091.075.633
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.420.891.985</i>	<i>939.607.193</i>
8. Chi phí bán hàng	24		2.797.805.947	3.458.719.026
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.366.162.211	8.219.886.746
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>(2.229.200.960)</b>	<b>9.588.383.792</b>
11. Thu nhập khác	31		648.609.418	2.937.170.259
12. Chi phí khác	32		332.205.300	1.222.653.746
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.24</b>	<b>316.404.118</b>	<b>1.714.516.513</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.912.796.842)</b>	<b>11.302.900.305</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	-	1.926.437.987
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	255.985.573
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(1.912.796.842)</b>	<b>9.120.476.745</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	(344)	1.736

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.912.796.842)	11.302.900.305
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.108.611.691	7.292.227.931
- Các khoản dự phòng	03		(1.756.697.684)	1.151.468.440
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.101.080.791)	(3.203.736.689)
- Chi phí lãi vay	06		1.420.891.985	939.607.193
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.758.928.359	17.482.467.180
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(732.336.071)	(2.915.262.564)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.792.021.194	10.244.030.519
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.108.954.685)	(21.023.338.111)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(149.471.003)	(53.557.396)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.420.891.985)	(939.607.193)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(209.872.617)	(3.813.200.761)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		26.350.000	35.492.078
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(935.985.830)	(2.474.860.079)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.980.212.638)	(3.457.836.327)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.864.826.484)	(9.967.797.646)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.901.678.181
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(261.406.464)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(100.000.000)	(300.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		854.958.781	2.444.755.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.109.867.703)	(5.182.770.279)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	17.400.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		19.000.000.000	18.470.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.500.000.000)	(21.774.450.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.003.157.232)	(1.778.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		496.842.768	12.317.350.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.593.237.573)	3.676.743.394
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.602.334.437	925.591.043
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	1.009.096.864	4.602.334.437

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà – một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 020300035 đăng ký lần đầu ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 25/04/2012 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 55.680.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	2.839.680	28.396.800.000	51%
Các cổ đông khác	2.728.320	27.283.200.000	49%

**Cộng****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan  
Chi tiết: Khí hóa lỏng (gas), xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)  
Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải thủy
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét luồng lạch
- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Đại lý khí hóa lỏng (gas)
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  
Chi tiết: Nhà đất, cảng biển, kho bãi
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Sắt, thép
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng  
Chi tiết: Tre, nứa, gỗ cây, gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là kinh doanh xăng dầu và dịch vụ vận tải.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2012.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính theo ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi

**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<b><u>Năm 2012</u></b> <b>(Số năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 14
Dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	10

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là công ty mà Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ không còn được hợp nhất từ ngày Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty này.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa công ty con và Công ty được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách của công ty con cũng có thể được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với chính sách kế toán của Công ty áp dụng.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản thể hiện chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm đối với sửa chữa định kỳ và 2,5 năm đối với sửa chữa giữa kỳ.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ, dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa là 02 năm.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính, Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại của các dự án đầu tư mở rộng mang lại theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, vận tải, kinh doanh bất động sản, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu cho bộ phận đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH.****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	82.920.471	1.584.866.517
Tiền gửi ngân hàng	926.176.393	3.017.467.920
<b>Tổng</b>	<b>1.009.096.864</b>	<b>4.602.334.437</b>

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2012</b>		<b>01/01/2012</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>	-	-	-	<b>2.620.441.674</b>
<i>Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO- VTO</i>	-	-	74.106	1.112.598.835
<i>Công ty CP bao bì PP- HBP</i>	-	-	22.300	376.098.025
<i>Công ty CP Đầu tư Tài chính Quốc tế và Phát triển doanh nghiệp- IDJ</i>	-	-	75.000	960.250.350
<i>Công ty CP Hoá dầu Petrolimex- PLC</i>	-	-	25	250.000
<i>Công ty CP Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex- PJT</i>	-	-	21.650	171.244.464
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	-	-	-	<b>(1.756.697.684)</b>
<b>Tổng cộng</b>	-	-	<b>193.081</b>	<b>863.743.990</b>

**5.3 Trả trước cho người bán**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoạt động Kinh doanh Xăng dầu, vận tải	232.660.002	1.091.114.020
Hoạt động Kinh doanh Bất động sản	3.835.000.000	3.726.033.378
<b>Tổng</b>	<b>4.067.660.002</b>	<b>4.817.147.398</b>

**5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội	310.067.365	227.568.583
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng- Lãi đầu tư cổ phiếu	-	130.301.211
Công ty CP Vận tải biển Sông Tranh- tiền thiếu hàng do đâm va tàu	131.182.827	131.182.827
Phải thu tiền về mua cổ phiếu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (*)	-	735.000.000
Trường trung cấp nghề GTVT Hải Phòng	14.400.000	-
Phải thu của các cửa hàng xăng dầu	863.579.231	55.691.568
Phải thu vận tải bộ	4.596.966	-
Phải thu của các tàu vận tải thủy (**)	3.963.361.310	4.361.433.157
Phải thu của các tàu vận tải biển (**)	589.144.085	1.041.044.254
Phải thu khác	76.440.222	56.815.443
<b>Tổng</b>	<b>5.952.772.006</b>	<b>6.739.037.043</b>

(\*) : Là khoản tiền phải thu của CBCNV về mua cổ phiếu của Tập đoàn.

(\*\*) : Là các khoản chi phí thường xuyên của tàu mà Công ty cấp cho các tàu để các tàu duy trì hoạt động, chủ yếu là chi phí nhiên liệu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.5 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.246.337.575	2.249.880.914
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (Dự án Bất động sản nhà Đông Hải)	7.933.791.865	9.708.830.016
Hàng hoá	2.108.998.966	2.122.438.670
<b>Tổng</b>	<b>11.289.128.406</b>	<b>14.081.149.600</b>

**5.6 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng nộp tạm nộp- Dự án Đông Hải	446.611.352	69.384.011
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa <i>Trong đó: Thuế TNDN tạm nộp theo tiến độ nộp tiền của Dự án Đông Hải</i>	1.311.250.241	1.101.377.624
	206.192.435	178.377.075
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.649.338
<b>Tổng</b>	<b>1.757.861.593</b>	<b>1.186.410.973</b>

**5.7 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	456.500.000	553.430.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
<b>Tổng</b>	<b>459.500.000</b>	<b>556.430.000</b>

**5.8 Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu dài hạn khác	42.701.000	42.701.000
<b>Tổng</b>	<b>42.701.000</b>	<b>42.701.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.9 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2012	15.570.084.515	1.866.031.957	68.730.982.366	1.603.208.455	248.052.466	88.018.359.759
Tăng trong năm	1.707.792.958	42.399.902	3.593.119.964	57.639.091	-	5.400.951.915
Mua trong năm	-	28.886.363	-	57.639.091	-	86.525.454
XDCB hoàn thành	1.707.792.958	13.513.539	3.593.119.964	-	-	5.314.426.461
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>17.277.877.473</b>	<b>1.908.431.859</b>	<b>72.324.102.330</b>	<b>1.660.847.546</b>	<b>248.052.466</b>	<b>93.419.311.674</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2012	3.196.379.445	522.316.436	23.950.392.764	651.828.800	60.182.361	28.381.099.806
Tăng trong năm	1.001.330.218	220.971.038	6.593.255.358	264.431.585	28.623.492	8.108.611.691
Khấu hao trong năm	1.001.330.218	220.971.038	6.593.255.358	264.431.585	28.623.492	8.108.611.691
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>4.197.709.663</b>	<b>743.287.474</b>	<b>30.543.648.122</b>	<b>916.260.385</b>	<b>88.805.853</b>	<b>36.489.711.497</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2012	12.373.705.070	1.343.715.521	44.780.589.602	951.379.655	187.870.105	59.637.259.953
Số dư tại 31/12/2012	13.080.167.810	1.165.144.385	41.780.454.208	744.587.161	159.246.613	56.929.600.177

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

10.748.707.914

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

3.167.856.912

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.477.724.399	2.448.162.239
Tăng trong năm	9.409.139.926	18.782.232.161
Giảm trong năm	13.703.034.969	15.752.670.001
<i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	5.314.426.461	6.354.918.864
<i>Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn</i>	6.010.878.746	5.661.222.251
<i>Giảm khác</i>	2.377.729.762	3.736.528.886
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>1.183.829.356</b>	<b>5.477.724.399</b>
<b>Chi tiết theo nội dung:</b>		
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí đóng mới xà lan, tàu	302.175.288	320.720.742
Chi phí xây dựng triển đà	6.372.967	6.372.967
Chi phí mở rộng sản xuất Công ty	399.317.654	852.695.797
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	475.963.447	4.297.934.893
<b>Tổng</b>	<b>1.183.829.356</b>	<b>5.477.724.399</b>

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>500.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>500.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
<i>Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng</i>	<i>500.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>500.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>310.000</b>	<b>4.657.000.000</b>	<b>310.000</b>	<b>4.657.000.000</b>
<i>Công ty CP Cảng Cửa Cấm Hải Phòng(*)</i>	<i>310.000</i>	<i>4.657.000.000</i>	<i>310.000</i>	<i>4.657.000.000</i>
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>900.000.000</b>
<i>Công ty CP Công trình Giao thông HP</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>900.000.000</i>

**Chi tiết khoản vốn góp vào công ty con**

Tên công ty con	Ngành nghề	Vốn điều lệ	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế 31/12/2012
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	Sửa chữa, đóng mới tàu	5.000.000.000	100%	100%

**Chi tiết khoản vốn góp vào Công ty liên kết**

Công ty liên kết	Ngành nghề	Vốn điều lệ	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế 31/12/2012
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ cảng biển; dịch vụ vận tải; vận tải hàng hóa thủy, bộ; môi giới và đại lý hàng hải, đại lý xăng dầu, vật tư, thiết bị, cung ứng dịch vụ cho tàu, sửa chữa, gia công cơ khí, xây dựng	24.000.000.000	12,9%	12,9%

(\*) Mặc dù tỷ lệ sở hữu là 12,9% nhưng do có đại diện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng nên Công ty này được xác định là Công ty liên kết của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.12 Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	10.256.797.881	10.203.240.485
Tăng trong năm	6.119.210.298	5.706.358.978
Giảm trong năm	5.969.739.295	5.652.801.582
<i>Trong đó: Phân bổ vào chi phí</i>	<i>5.969.739.295</i>	<i>5.652.801.582</i>
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>10.406.268.884</b>	<b>10.256.797.881</b>

**Chi tiết theo nội dung**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ, dụng cụ	274.527.086	568.811.015
Sửa chữa lớn	10.131.741.798	9.687.986.866
<b>Tổng</b>	<b>10.406.268.884</b>	<b>10.256.797.881</b>

**5.13 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>6.500.000.000</b>	-
Ngân hàng Công thương Ngô Quyền	6.500.000.000	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	-	<b>1.304.450.000</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Phòng	-	604.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	-	700.000.000
<b>Tổng</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>1.304.450.000</b>

(\*) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTDHM/2012 ngày 20/07/2012.

Tổng giới hạn tín dụng 20.000.000.000 đồng

*Trong đó:*

Giới hạn cho vay: 20.000.000.000 đồng

Giới hạn bảo lãnh: 10.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Thanh toán chi phí hợp lý phục vụ cho mục đích kinh doanh xăng dầu và vận tải thủy

Thời hạn vay: Thời hạn không quá 3 tháng cho từng giấy nhận nợ

Lãi suất thả nổi, tại thời điểm ký hợp đồng 12%/năm

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ vật kiến trúc xây dựng trên diện tích 17.500 m<sup>2</sup> và 11.949,79 m<sup>2</sup> đất thuê 30 năm của Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng tại 61 Ngô Quyền, tàu PTS HP 01.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo 26.784.000.000 đồng.

**5.14 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Hoạt động Kinh doanh Xăng dầu, vận tải	472	21.892
Hoạt động Kinh doanh Bất động sản	10.874.231.410	12.028.628.800
<b>Tổng</b>	<b>10.874.231.882</b>	<b>12.028.650.692</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5. 15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	276.281.102	-
Thuế thu nhập cá nhân	101.379.392	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	50.018.000	-
<b>Tổng</b>	<b>427.678.494</b>	<b>-</b>

**5. 16 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí lãi vay	12.527.777	5.880.166
Trích trước tiền thuê đất	-	12.500.000
Trích trước chi phí XD cơ sở hạ tầng tại Xã Đông Hải	-	906.958.614
<b>Tổng</b>	<b>12.527.777</b>	<b>925.338.780</b>

**5. 17 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	744.792.594	298.275.767
Bảo hiểm y tế	108.027.548	3.851.959
Bảo hiểm thất nghiệp	49.417.032	-
Phải trả, phải nộp khác	335.529.903	1.218.511.630
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>	-	975.081.232
<i>Trong đó: - Cổ tức phải trả</i>	-	975.081.232
<i>Phải trả cổ tức cho cổ đông</i>	99.115.410	29.611.410
<i>Tiền thưởng của Tập đoàn</i>	9.300.000	17.300.000
<i>Tiền thừa hàng</i>	54.990.040	46.907.040
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	172.124.453	149.611.948
<b>Tổng</b>	<b>1.237.767.077</b>	<b>1.520.639.356</b>

**5. 18 Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>3.780.047.469</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Phòng	-	1.680.047.469
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	-	2.100.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>1.304.450.000</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Phòng	-	604.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	-	700.000.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>2.475.597.469</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5. 19 Vốn chủ sở hữu****a. Biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng</b>
<b>Số dư ngày 01/01/2011</b>	<b>38.280.000.000</b>	<b>6.024.502.460</b>	<b>11.216.195.136</b>	<b>2.571.106.355</b>	<b>9.797.173.627</b>	<b>67.888.977.578</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>17.400.000.000</b>	-	<b>2.417.720.041</b>	<b>527.107.503</b>	<b>9.120.476.745</b>	<b>29.465.304.289</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	9.120.476.745	9.120.476.745
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.417.720.041	527.107.503	-	2.944.827.544
Tăng vốn	17.400.000.000	-	-	-	-	17.400.000.000
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	<b>4.626.150.052</b>	<b>4.626.150.052</b>
Phân phối lợi nhuận 2011	-	-	-	-	4.626.150.052	4.626.150.052
<b>Số dư ngày 31/12/2011</b>	<b>55.680.000.000</b>	<b>6.024.502.460</b>	<b>13.633.915.177</b>	<b>3.098.213.858</b>	<b>14.291.500.320</b>	<b>92.728.131.815</b>
<b>Số dư ngày 01/01/2012</b>	<b>55.680.000.000</b>	<b>6.024.502.460</b>	<b>13.633.915.177</b>	<b>3.098.213.858</b>	<b>14.291.500.320</b>	<b>92.728.131.815</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>1.379.207.124</b>	<b>585.853.007</b>	<b>(1.912.796.842)</b>	<b>52.263.289</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	(1.912.796.842)	(1.912.796.842)
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.379.207.124	585.853.007	-	1.965.060.131
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	<b>11.717.060.131</b>	<b>11.717.060.131</b>
Phân phối lợi nhuận 2011 (*)	-	-	-	-	3.365.060.131	3.365.060.131
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	8.352.000.000	8.352.000.000
<b>Số dư ngày 31/12/2012</b>	<b>55.680.000.000</b>	<b>6.024.502.460</b>	<b>15.013.122.301</b>	<b>3.684.066.865</b>	<b>661.643.347</b>	<b>81.063.334.973</b>

(\*) Theo Quyết định số 92/QĐ-HĐQT ngày 16/4/2012 về việc Phân phối và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế 2011. Cụ thể:

Quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận sau thuế):	585.853.007 đồng
Quỹ đầu tư phát triển:	1.379.207.124 đồng
Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	1.400.000.000 đồng
Chi trả cổ tức (15%/ 1 cổ phiếu):	8.352.000.000 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn của Nhà nước	28.396.800.000	28.396.800.000
Vốn góp của cổ đông khác	27.283.200.000	27.283.200.000
<b>Tổng</b>	<b>55.680.000.000</b>	<b>55.680.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>(cổ phiếu)</b>	<b>(cổ phiếu)</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	<b>5.568.000</b>	<b>5.568.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	5.568.000	5.568.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>5.568.000</b>	<b>5.525.526</b>
Cổ phiếu phổ thông	5.568.000	5.525.526
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**5.20 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	168.071.665.780	181.074.823.020
Doanh thu dịch vụ vận tải	84.112.751.378	88.456.027.251
Doanh thu kinh doanh bất động sản	4.459.210.743	19.077.233.770
Doanh thu bán vật tư	213.508.409	38.181.818
Doanh thu dịch vụ khác	675.417.328	657.567.033
<b>Tổng</b>	<b>257.532.553.638</b>	<b>289.303.832.892</b>

**5.21 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	164.552.072.569	174.894.567.761
Giá vốn dịch vụ vận tải	79.653.169.902	78.541.150.377
Giá vốn kinh doanh bất động sản	3.367.305.080	14.484.957.927
Giá vốn bán vật tư	211.000.313	-
Giá vốn dịch vụ khác	494.427.382	469.847.280
<b>Tổng</b>	<b>248.277.975.246</b>	<b>268.390.523.345</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.22 Doanh thu tài chính**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.325.395	263.615.615
Lãi tiền gửi Công ty Chứng khoán	-	750.010
Cổ tức, lợi nhuận được chia	827.633.386	2.180.390.025
<b>Tổng</b>	<b>854.958.781</b>	<b>2.444.755.650</b>

**5.23 Chi phí tài chính**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	1.420.891.985	939.607.193
Chi phí tài chính khác	(246.122.010)	1.151.468.440
<i>Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	<i>1.510.079.821</i>	-
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	<i>(1.756.697.684)</i>	-
<i>Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn</i>	-	1.151.468.440
<i>Chi phí tài chính khác</i>	<i>495.853</i>	-
<b>Tổng</b>	<b>1.174.769.975</b>	<b>2.091.075.633</b>

**5.24 Lợi nhuận khác**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>648.609.418</b>	<b>2.937.170.259</b>
Thu từ thanh lý vật tư, phế liệu	235.444.095	-
Thu thanh lý tài sản và tài sản khác	-	2.901.678.181
Bồi thường bảo hiểm thân tàu PTSHP01	37.079.545	34.931.818
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	376.063.886	-
Thu nhập khác	21.892	560.260
<b>Chi phí khác</b>	<b>332.205.300</b>	<b>1.222.653.746</b>
Chi phí thanh lý tài sản và tài sản khác	67.715.970	34.661.557
Chi phí phạt thuế	-	120.000.000
Phạt theo QĐ số 620/QĐ-UBCK	-	991.228.702
Phạt vi phạm hành chính	34.485.830	-
Bồi thường dầu cho tàu	230.003.500	-
Chi phí khác	-	76.763.487
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>316.404.118</b>	<b>1.714.516.513</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.912.796.842)	11.302.900.305
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	142.285.830	384.024.044
<i>Tiền phạt</i>	<i>34.485.830</i>	<i>189.675.044</i>
<i>Thù lao Hội đồng Quản trị</i>	<i>107.800.000</i>	<i>194.349.000</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	827.633.386	2.180.390.025
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>827.633.386</i>	<i>2.180.390.025</i>
Thu nhập chịu thuế	(2.598.144.398)	9.506.534.324
<i>Thu nhập chịu thuế vận tải, sửa chữa, đóng mới tàu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập hoạt động khác</i>	<i>(2.598.144.398)</i>	<i>9.506.534.324</i>
Thuế suất vận tải	25%	20%
Thuế suất hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.376.633.581
<i>Thuế TNDN của hoạt động khác</i>	<i>-</i>	<i>2.376.633.581</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (Đầu tư tài sản cố định)	-	450.195.594
<i>Năm 2010</i>	<i>-</i>	<i>259.450.512</i>
<i>Năm 2011</i>	<i>-</i>	<i>190.745.082</i>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.926.437.987</b>

**5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>(1.912.796.842)</b>	<b>9.120.476.745</b>
Các khoản điều chỉnh	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>(1.912.796.842)</b>	<b>9.120.476.745</b>
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.568.000	5.253.370
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(344)</b>	<b>1.736</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.369.122.938	41.766.304.116
Chi phí công cụ, dụng cụ	737.163.021	445.217.095
Chi phí nhân công	18.019.024.035	19.247.400.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.108.611.691	7.292.227.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.049.257.083	11.253.984.878
Chi phí khác bằng tiền	17.620.796.603	14.273.236.676
<b>Tổng</b>	<b>92.903.975.371</b>	<b>94.278.370.868</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo nhận định của Ban Giám đốc Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng, bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày phát hành Báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

**6.2 Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với nhân sự chủ chốt*

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	250.140.000	492.560.000
Lương Ban Giám đốc	718.146.818	700.040.200

*Giao dịch với Công ty con*

<b>Giao dịch mua hàng</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	Đóng mới, sửa chữa tàu	5.510.501.820	10.185.847.748
	Thuê bảo vệ, nấu ăn	120.000.000	120.000.000
	Dịch vụ khác	13.408.185	8.316.364
<b>Tổng</b>		<b>5.643.910.005</b>	<b>10.314.164.112</b>
<b>Giao dịch bán hàng</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	Bán xăng dầu	496.193.667	574.688.440
	Thuê tài sản	458.585.468	384.044.258
<b>Tổng</b>		<b>954.779.135</b>	<b>958.732.698</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6.2 Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)***Số dư với Công ty con*

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	108.070.039	-
<b>Tổng</b>	<b>108.070.039</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	-	785.631.576
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>785.631.576</b>

*Số dư và Giao dịch trong nội bộ Tập đoàn - được chi tiết tại Phụ lục kèm theo.*

**6.3 Báo cáo bộ phận****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2012**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh xăng dầu, kinh doanh vận tải, kinh doanh Bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, cho thuê nhà, đất chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

*Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Khác	Cộng
<b>TÀI SẢN</b>					
Tài sản cố định	3.559.780.230	43.524.701.138	-	2.663.073.910	49.747.555.278
Xây dựng cơ bản dờ dang	1.120.068.885	4.199.045.928	-	-	5.319.114.813
Các khoản phải thu	3.299.945.854	7.970.327.066	5.782.875.311	-	17.053.148.231
Hàng tồn kho	2.122.438.670	2.249.880.914	9.708.830.016	-	14.081.149.600
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	40.475.028.666
<b>Tổng tài sản</b>					<b>126.675.996.588</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Các khoản phải trả	5.775.827.164	6.232.610.152	12.249.508.811	-	24.257.946.127
Phải trả tiền vay	1.304.450.000	1.400.000.000	-	-	2.704.450.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	6.985.468.646
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>-</b>	<b>33.947.864.773</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)***Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Khác	Cộng
<b>DOANH THU</b>					
Tổng doanh thu	138.514.523.514	88.456.027.251	19.077.233.770	657.567.033	246.705.351.568
Doanh thu giữa các bộ phận	42.598.481.324	-	-	-	42.598.481.324
<b>Doanh thu</b>	<b>181.113.004.838</b>	<b>88.456.027.251</b>	<b>19.077.233.770</b>	<b>657.567.033</b>	<b>289.303.832.892</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>					
Kết quả bộ phận	1.872.200.477	3.106.746.681	4.050.631.890	205.124.727	9.234.703.775
Lãi tiền gửi	-	-	-	-	264.365.625
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	-	1.803.830.905
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	(2.182.423.560)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>					<b>9.120.476.745</b>

*Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Khác	Cộng
<b>TÀI SẢN</b>					
Tài sản cố định	4.977.516.173	40.812.846.844	-	2.421.337.966	48.211.700.983
Xây dựng cơ bản dở dang	77.197.951	778.138.735	-	-	855.336.686
Các khoản phải thu	4.211.709.848	10.039.824.407	4.661.534.090	132.585.079	19.045.653.424
Hàng tồn kho	2.108.998.966	1.246.337.585	7.933.791.865	-	11.289.128.416
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	33.005.426.577
<b>Tổng tài sản</b>					<b>112.407.246.086</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Các khoản phải trả	6.608.160.633	3.402.429.375	11.045.005.710	-	21.055.595.718
Phải trả tiền vay	6.500.000.000	-	-	-	6.500.000.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	3.788.315.395
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>31.343.911.113</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)***Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: VND*

	Kinh doanh Xăng dầu	Vận tải	Kinh doanh Bất động sản	Khác	Cộng
<b>DOANH THU</b>					
Tổng doanh thu	129.112.216.866	84.112.751.378	4.459.210.743	888.925.737	218.573.104.724
Doanh thu giữa các bộ phận	38.959.448.914	-	-	-	38.959.448.914
<b>Doanh thu</b>	<b>168.071.665.780</b>	<b>84.112.751.378</b>	<b>4.459.210.743</b>	<b>888.925.737</b>	<b>257.532.553.638</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>					
Kết quả bộ phận	(105.510.634)	(2.919.868.403)	947.041.965	168.947.306	(1.909.389.766)
Lãi tiền gửi	-	-	-	-	27.325.395
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	-	(30.732.471)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận trong năm</b>					<b>(1.912.796.842)</b>

**6.4 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các loại công cụ tài chính****Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.009.096.864	4.602.334.437
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.639.800.804	14.632.497.957
Đầu tư ngắn hạn	-	863.743.990
Đầu tư dài hạn	-	900.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.648.897.668</b>	<b>20.998.576.384</b>

**Công nợ tài chính**

Các khoản vay	6.500.000.000	3.780.047.469
Phải trả khách hàng và phải trả khác	11.364.866.119	13.754.823.278
Chi phí phải trả	12.527.777	925.338.780
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.877.393.896</b>	<b>18.460.209.527</b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

#### **6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

##### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

##### *Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

##### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết.

##### *Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

##### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

##### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau.

##### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
<b>31/12/2012</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	6.500.000.000	-	6.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	11.364.866.119	-	11.364.866.119
Chi phí phải trả	12.527.777	-	12.527.777
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
<b>31/12/2011</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	1.304.450.000	-	1.304.450.000
Phải trả người bán và phải trả khác	13.754.823.278	-	13.754.823.278
Chi phí phải trả	925.338.780	-	925.338.780
Vay và nợ dài hạn	-	2.475.597.469	2.475.597.469

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u> <u>VND</u>	<u>Tổng</u> <u>VND</u>
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.009.096.864	-	1.009.096.864
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.639.800.804	-	15.639.800.804
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	7.500.000	-	7.500.000
<b>31/12/2011</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.602.334.437	-	4.602.334.437
Đầu tư tài chính ngắn hạn	863.743.990	-	863.743.990
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.632.497.957	-	14.632.497.957
Đầu tư tài chính dài hạn	900.000.000	-	900.000.000
Tài sản tài chính khác	7.500.000	-	7.500.000

**6.5 Số liệu so sánh**

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán.

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

*Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2013*

**Tổng Giám đốc**

**Phạm Kim Anh**

**Phạm Thị Ngọc Anh**

**Nguyễn Trọng Thủy**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

MẪU 01/HN-CTC

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Hình thức/Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu		Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu công ty năm giữ	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
			Vốn điều lệ	Vốn đầu tư của chủ sở hữu						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Đầu tư vào Công ty con (TK221)									
1	Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng	01/07/2008		5.000.000.000			5.000.000.000	100%		
II	Vốn góp liên doanh (TK222)									
III	Đầu tư Công ty liên kết (TK223)									
	Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	6/30/2007				310.000	4.657.000.000	12,9%		
IV	Đầu tư dài hạn khác (TK228)									

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

MẪU 02/HN-CTC

**BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2012

**Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác**

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã Đơn vị	Chỉ tiêu/ Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác	
				Tổng số	Trong đó			
					Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức lợi nhuận đã nhận		
A	B	C	1	2	3	4	5	
1	11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	58.760.263.243					
2	11008000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	4.929.881.676					
3	11059000	Công ty liên doanh Hóa chất PTN	531.420.750					
4	11024000	Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex	627.790.750					
5	11005000	Công ty Xăng dầu B12- Cảng Xăng dầu B12	99.287.919					
6	11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	7.258.712.875					
7	11006000	Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	3.489.396.990					
8	11019000	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	22.286.400					
9	11001000	CN Xăng dầu Bắc Ninh-Công ty Xăng dầu KVI	737.347.602					
10		Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng					217.000.000	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>76.456.388.205</b>				<b>217.000.000</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

MẪU 03/HN-CTC

**BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã Đơn vị	Chỉ tiêu/ Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp, phụ kiện	Hàng hóa khác
A	B	C	1	2	3	4
		<b>I/ Giá trị hàng mua nội bộ tồn kho đầu kỳ</b>	<b>4.036.875.638</b>	<b>882.203.984</b>		
		<b>II/ Giá trị hàng mua nội bộ trong kỳ</b>	<b>162.630.970.237</b>	<b>2.440.473.720</b>		
1	11003000	Công ty Xăng dầu KVII	161.182.723.489			
2	11024000	Chi nhánh Hóa dầu Hải Phòng		2.440.473.720		
3	11019000	Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng	505.909.200			
4	11002000	Công ty Xăng dầu KVII	293.435.738			
5	11022000	Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu				
6	11008000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	350.181.810			
7	11020000	CN Công ty Cổ phần vận tải VITACO-XNDVTM VITACO	298.720.000			
		<b>III/ Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong kỳ</b>	<b>162.798.384.010</b>	<b>2.555.829.339</b>		
		<b>IV/ Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ</b>	<b>3.869.461.865</b>	<b>766.848.365</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

MẪU 04/HN-CTC

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã Đơn vị	Tên Đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHHĐXD	Phải thu khác	Ký quỹ, ký cược	Cho vay nội bộ
A	C	D	1	2	3	4	5	6
		<b>Phần I: Nợ ngắn hạn</b>	<b>5.404.293.894</b>			<b>5.700.000</b>		
1	11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	2.346.316.612			5.700.000		
2	11006000	Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	532.431.970					
3	11008000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	521.018.623					
4	11001000	CN Xăng dầu Bắc Ninh- Công ty Xăng dầu KVI	405.829.166					
5	11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	1.464.965.772					
6	11019000	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	24.515.040					
7	11005000	Công ty Xăng dầu B12- Cảng Xăng dầu B12	109.216.711					

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

MẪU 05/HN-CTC

**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2012

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Mã Đơn vị	Tên Đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả tiền trước	Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	Phải trả, phải nộp khác	Nhận ký quỹ, ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	C	B	1	2	3	4	5	6
		<b>Phần I: Ngắn hạn</b>	<b>9.647.503.852</b>			<b>0</b>		
1	11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam						
2	11024000	CN Hóa dầu- Công ty Hóa dầu Petrlimex	1.049.869.272					
3	11001000	Công ty Xăng dầu KVI	3.256.233.539					
4	11003000	Công ty Xăng dầu KV III	5.323.291.361					
5	11009000	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	0					
6	11019000	Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO-VIPCO	18.109.680					

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN**

MẪU 06/HN-CTC

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Kỳ báo cáo: Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã đơn vị	Đối tượng cho vay	Gốc vay				Phân loại thời hạn hoàn trả của gốc vay theo thời gian					
			1/1/2012	Nhận tiền vay	Trả nợ gốc	31/12/2012	Trong năm 2010	Trong năm 2011	Trong năm 2012	Trong năm 2013	Trong năm 2014	Sau năm 2015
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>I</b>		<b>Vay và nợ nội bộ Tập đoàn</b>	<b>1.075.597.469</b>	<b>0</b>	<b>1.075.597.469</b>	<b>0</b>	<b>604.450.000</b>	<b>604.450.000</b>	<b>1.075.597.469</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	11060000	Ngân hàng TMCP Petrolimex	1.075.597.469		1.075.597.469	0	604.450.000	604.450.000	1.075.597.469			
2	11050000	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam				0						
						0						
<b>II</b>		<b>Vay và nợ Ngân hàng, TCTD khác</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>0</b>	<b>700.000.000</b>	<b>700.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1		Ngân hàng Việt Bank-CNHP	1.400.000.000		1.400.000.000	0	700.000.000	700.000.000	1.400.000.000			
						0						
		<b>Cộng</b>	<b>2.475.597.469</b>	<b>0</b>	<b>2.475.597.469</b>	<b>0</b>	<b>1.304.450.000</b>	<b>1.304.450.000</b>	<b>2.475.597.469</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc

Phạm Kim Anh

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Trọng Thủy